TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Số: 15/2018/DSST
Ngày 25 tháng 5 năm 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh; Ông Trần Thành Đô

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Hiên – kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 72/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" giữa các đương sự:

*__Nguyên đơn:__ Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại, dịch vụ BT

__Đại__ diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị B, sinh năm: 1978 - Giám đốc (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị M - sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 13, 15 đường S, xã TM, thành phố BG, tỉnh BG

***Bị đơn:**

1. Anh Hoàng Văn T – sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐP1, xã PM, huyện LG, tỉnh BG

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Chị Vũ Thị Th, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ 1, đường TV, thành phố ThNg, tỉnh ThNg (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị Ng**,** sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐP 1, xã PM, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/8/2017, bản tự khai và các lời khai tiếp theo chị Hoàng Thị B - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ BT chuyên kinh doanh về vật liệu xây dựng, điện dân dụng, điện nước tại địa chỉ số 13, 15 đường S, xã TM, thành phố BG, tỉnh BG. Khoảng tháng 12/2015, anh Hoàng Văn T cư trú tại thôn ĐP1, xã PM huyện LG, tỉnh BG đã xuống công ty chị đặt vấn đề mua hàng hóa gồm: gạch ốp

lát, thiết bị vệ sinh, ống nước, dây điện. Hai bên có thỏa thuận về giá cả hàng hóa, phương thức giao hàng, thời hạn thanh toán. Trong quá trình anh T xây nhà, khi giao hàng anh T, chị Trần Thị Ng là người nhận hàng, có lần người làm công cho anh T nhận hàng và ký vào hóa đơn xuất kho. Anh T, chị Ng đã tạm ứng tiền cho công ty được một số lần và nợ lại một số tiền hàng. Sau khi anh T xây dựng xong công trình vào tháng 3/2016, chị đã nhiều lần lên nhà anh T, chị Ng đòi tiền, nhưng anh T cố tình tránh mặt, chị Ng thì nói đi gặp anh T, chị không biết. Chị xác định anh Hoàng Văn T và chị Trần Thị Ng còn nợ Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ BT số tiền hàng chưa tháng toán là 102.205.700 đồng, yêu cầu anh T, chị Ng trả công ty số tiền còn nợ trên, yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 4/3/2016 theo quy định của pháp luật. Chị B đã giao nộp cho Tòa án toàn bộ hóa đơn xuất kho, giao nhận hàng với anh T, chị Ng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/02/2018, chị Trần Thị B đã giải trình về các chứng từ, hóa đơn thể hiện việc mua bán giữa công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ BT với anh Hoàng Văn T, chị Trần Thị Ng, cụ thể:

- Ngày 24/8/2015, ghi số tiền lấy ống nước, dây điện trước đó nợ là 14.939.000 đồng và anh T lấy thêm hàng ngày 24/8/2015 là 11.035.000 đồng, tổng nợ là 25.974.000 đồng, anh T đã thanh toán tạm ứng được 20.000.000 đồng, còn nợ 5.974.000 đồng.

- Ngày 11/10/2015, số tiền lấy hàng cộng là 116.911.500 đồng, chiết khấu trực tiếp đối với mặt hàng ống hàng nhiệt là 42.747.000 đồng, còn lại nợ 74.164.500 đồng. Người nhận hàng ngày 11/10/2015 là chị Trần Thị Ng và chị Ng đã thanh toán 25.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 49.164.500 đồng.

- Ngày 13/10/2015, số hàng hóa trị giá là 746.500 đồng, chiết khấu ống hàng nhiệt 140.000 đồng, số nợ còn lại là 606.500 đồng. cộng với tiền hàng nợ của ngày 24/8/2015 và 11/10/2015 là 55.138.000 đồng, cộng dồn nợ là 55.744.500 đồng.

-Ngày 23/10/2015 anh T lấy gạch ốp lát, gạch chống trơn trị giá 38.970.000 đồng, cộng nợ cũ 55.744.000 đồng, tổng nợ 94.714.000 đồng. Anh T đã thanh toán được 30.000.000 đồng, số nợ còn lại là 64.714.000 đồng.

- Ngày 26/10/2015, anh T lấy ống nhựa, cút trị giá 498.000 đồng và chưa thanh toán.

- Ngày 28/10/2015, anh T lấy gạch lát trị giá 15.360.000 đồng, cộng nợ ngày 23/10/2015 (64.714.000 đồng), ngày 26/10/2015 (498.000đồng) là 65.212.000 đồng, trừ tiền công ty BT có nợ anh T gạch chân tường (13 -50) là 20 viên x 6.000đồng / 1 viên = 120.000 đồng Cộng hàng mới lấy và nợ cũ, tổng nợ 80.452.500 đồng.

Ngày 28/10/2015 anh T có nhờ công ty gửi cắt hộ gạch để ốp mặt tiền, tiền công là 1.296.000 đồng và anh T lấy thêm một chậu rửa bát inox trị giá 1.400.000 đồng.

- Ngày 07/11/2015 anh T lấy gạch ốp lát trị giá 18.985.000 đồng, cộng với nợ cũ là: (80.452.500 đồng + 1.400.000 đồng + 1.296.000 đồng)= 83.148.000 đồng, tổng cộng nợ bằng 102.133.000 đồng.

- Ngày 12/11/2015, anh T lấy bệt chậu, sen vòi, gạch lát, thiết bị vệ sinh tổng trị giá 58.709.000 đồng. Anh T trả 30.000.000 đồng (không ghi trong hóa đơn), trừ vào

số nợ cũ là 102.133.000 đồng, còn 72.133.000 đồng, cộng nợ mới 58.709.000 đồng = 130.842.000 đồng.

- Ngày 16/11/2015, anh T lấy ống nước trị giá 4.615.000 đồng và được chiết khấu trực tiếp ống hàn nhiệt 1.846.000 đồng, còn lại đơn hàng này nợ 2.769.000 đồng.

- Ngày 17/11/2015, anh T lấy gạch lát tổng trị giá 1.412.000 đồng, cộng nợ cũ là 130.842.000 đồng bằng 132.254.000 đồng.

- Ngày 18/11/2015, anh T lấy gạch ốp lát trị giá 32.421.000 đồng, cộng nợ cũ là 132.254.000 đồng bằng 164.675.000 đồng.

- Ngày 22/11/2015, anh T lấy ống tổng trị giá 7.011.000 đồng, chiết khấu trực tiếp ống hàn nhiệt là 2.972.000 đồng, còn lại 4.039.000 đồng, cộng với nợ cũ của đơn hàng ngày 16/11/2015 (2.769.000 đồng) và đơn hàng ghi đến ngày 18/11/2015 (164.675.000 đồng). Tổng tiền nợ là 174.455.000 đồng. (Tại phiếu xuất này kế toán vẫn cộng tiền mua hàng của anh T là 7.011.000 đồng và chưa tính trừ chiết khấu cho anh Tuấn là 2.972.000 đồng). Anh T đã thanh toán 50.000.000 đồng, trên hóa đơn ghi nợ là 124.455.000 đồng.

- Ngày 23/11/2015, anh T lấy gạch lát trị giá bằng 4.174.000 đồng.

- Ngày 25/11/2015, anh T lấy gạch kính trị giá 6.200.000 đồng, cộng với nợ cũ ghi đến ngày 22/11/2015 (124.455.000 đồng) và ngày 23/11/2015 (4.174.000 đồng), tổng nợ bằng 134.829.000 đồng.

-Ngày 25/11/2015 anh T trả lại một số mặt hàng gồm gạch lát, gạch chân tường, gạch viền trị giá 2.845.000 đồng, trừ đi tiền hàng trả lại còn nợ là 131.984.000 đồng.

-Ngày 14/12/2015, anh T lấy gạch lát, cút chếch, trị giá là 5.820.000 đồng, cộng với nợ cũ 131.984.000 đồng, tổng nợ là 137.804.000 đồng. Tuy nhiên, trong biên nhận hàng ghi ngày 14/12/2015, chị Ng ghi nợ cũ là 131.184.000 đồng, nên cộng với tiền hàng ngày 14/11/2015 thì tổng nợ là 137.004.000 đồng. Sau đó anh T đã xuống thanh toán cho chị 100.000.000 đồng (không ghi biên nhận) và trả lại hàng với số tiền 1.152.000 đồng (có ghi biên nhận trong phiếu xuất kho ngày 18/12/2015). Như vậy tổng nợ, anh T còn là: 35.852.000 đồng.

-Ngày 18/12/2015, anh T lấy gạch lát, gạch ốp trị giá 32.258.000 đồng, cộng nợ cũ thì tổng nợ là 68.110.000 đồng.

-Ngày 19/12/2015, anh T lấy ống nước, tủ điện trị giá 1.235.000 đồng, cộng với nợ cũ là 68.110.000 đồng, bằng 69.345.000 đồng.

-Ngày 21/12/2015, anh T lấy gạch lát, gạch ốp trị giá 660.000 đồng.

-Ngày 27/12/2015, anh T lấy bệt chậu, sen vòi trị giá 57.280.000 đồng, cộng nợ cũ của đơn hàng tính đến ngày 19/12/2017 và 21/12/2015 là 70.005.000 đồng, tổng nợ là 127.285.000 đồng. Trong phiếu xuất kho ghi trừ tiền hàng anh T trả lại ngày 21/12/2015 trị giá 19.142.000 đồng, tổng còn nợ đến ngày 27/12/2015 là 108.143.000 đồng.

-Ngày 30/12/2015 chị Ng lấy móc áo trị giá 1.050.000 đồng, cộng nợ cũ bằng 109.193.000 đồng.

-Ngày 04/01/2016, anh T lấy téc nước và thiết bị vệ sinh, mặt ổ, thiết bị điện tổng trị giá 60.245.000 đồng, cộng nợ cũ 109.194.000 đồng bằng 169.439.000 đồng và

cộng tiền công cắt gạch 130.000 đồng, tổng nợ 169.568.000 đồng. Anh T đã thanh toán 50.000.000 đồng, số nợ còn lại là 119.568.000 đồng. Ngày 04/01/2016 anh T trả lại gạch lát loại 80*80cm (02 hộp + 02viên) và loại gạch 60 * 60Cm (05 hộp + 2 viên) tổng trị giá là 1.816.000 đồng.

-Ngày 05/01/2016, anh T lấy gạch chân tường, cộng gạch lát, công cắt là 541.000 đồng, tính với nợ cũ 119.568.000 đồng. Tổng cộng nợ 120.109.000 đồng (ghi là 120.110.000 đồng).

-Ngày 06/01/2016, chị Nguyệt lấy mặt ổ, giàn năng lượng, gạch lát tổng trị giá 22.746.500 đồng, cộng nợ cũ 120.109.000 đồng, cộng bằng 142.855.500 đồng.

-Ngày 10/01/2016 lấy hạt đèn báo là 180.000 đồng và chị Ng trả gạch ốp (07 hộp),Chân tường (07 viên), Trị giá 948.000 đồng.

-Ngày 11/01/2016, chị Ng lấy dây điện, hạt đèn báo trị giá 3.610.000 đồng.

- Ngày 15/01/2016 anh T lấy 01 bình nóng 20 lít giá 1.330.000 đồng + dây cấp trị giá 24.500 đồng, tổng bằng 1.354.500 đồng. Tổng tiền nợ là: 148.000.000 đồng.

-Ngày 15/01/2016, chị Ng, anh T nhận số hàng dây điện, bóng, đui trị giá 2.020.000 đồng, cộng với nợ cũ tính đến ngày 14/ 01/2016 (148.000.000 đồng) tổng tiền anh T, chị Ng nợ công ty BT là 150.020.000 đồng.

- Ngày 16/01/2016 anh T có trả lại Công ty BT ống nước +cút trị giá thành tiền là 2.518.000, tính trừ số hàng trả lại anh T còn nợ 147.502.000 đồng.

- Ngày 21/01/2016, Anh Nguyễn Văn C làm điện nước cho nhà anh Tnhận số hàng gồm dây điện, bóng tiết kiệm và mặt ổ trị giá : 4.333.000 đồng,cộng với nợ cũ là 147.502.000 đồng, tổng anh T nợ là: 151.835.000 đồng.

- Ngày 26/01/2016 chị Ng lấy đồ điện trị giá 1.696.000 đồng,cộng với nợ cũ ngày 21/01/2016 (151.835.000 đồng) là 153.531.000 đồng và chị Ng thanh toán 50.000.000 đồng, còn lại nợ công ty BT là 103.531.000 đồng.

- Ngày 02/02/2016 anh T lấy mặt ổ trị giá 644.000 đồng;

- Ngày 04/03/2016 Chị Ng lấy mặt ổ, ống nước trị giá 1.779.000 đồng,cộng với nợ cũ ngày 21/01/2016 (103.531.000 đồng) + ngày 02/02/2016 (644.000 đồng) tổng nợ là 105.954.000 đồng.

Về hàng trả lại công ty chưa trừ trong hóa đơn xuất kho cho anh T có:

+ Ngày 22/11/2015 anh T lấy hàng chưa trừ chiết khấu trị giá 2.972.000 đồng.

+ Ngày 19/12/2015 anh T trả lại 01 tủ trị giá 145.000 đồng.

+ ngày 04/01/2016 anh T trả lại gạch trị giá 1.816.000 đồng.

+ ngày 10/01/2016 anh T trả lại gạch ốp trị giá 948.000đồng,

Tổng cộng chưa trừ trong hóa đơn là: 5.881.000 đồng.

Đối trừ số tiền còn nợ và tiền hàng trả lại là: 105.954.000 đồng – 5.881.000 đồng = 100.069.000 đồng (Một trăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng),Chị B yêu cầu anh T, chị Ng phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán trả cho công ty số tiền còn nợ trên. Chị không biết anh T, chị Ng đã ly hôn chưa nhưng khi mua hàng, nhận hàng, anh T, chị Ng đều nói để xây ngôi nhà chung của anh, chị và cả hai là người nhận. Yêu cầu anh T, chị Ng phải trả lãi tính theo mức lãi quy định của nhà nước,

thời điểm tính từ ngày 4/3/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền hàng còn nợ.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị B vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm yêu cầu anh Hoàng Văn T, chị Trần Thị Ng cùng có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT số tiền hàng 100.069.000 đồng (một trăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Về tiền lãi chị B không yêu cầu trả nữa.

Bị đơn chị Trần Thị Ng tại bản tự khai ngày 26/10/2014 và các lời khai tiếp theo trình bày: Đầu năm 2016 vợ chồng chị có xây nhà, khi đó có mua hàng của công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT, chồng chị anh Hoàng Văn T là người trực tiếp xuống mua hàng, đặt hàng. Theo thỏa thuận khi nào vợ chồng chị cần vật liệu thì gọi điện báo giao hàng, khi họ giao hàng nếu anh T hoặc chị có mặt thì sẽ nhận hàng và ký nhận, cũng có lần do người làm ký nhận hộ. Việc giao hàng diễn ra rất nhiều lần. Vợ chồng chị cũng đã nhiều lần thanh toán. Sau khi xây dựng xong nhà hai bên có chốt tiền hàng chưa thanh toán, chị B đã báo số tiền nợ khoảng 102.000.000 đồng, vợ chồng chị có xin chị B cho trả dần, chị B nói sẽ triết khấu tiền hàng khi anh, chị thanh toán xong toàn bộ tiền hàng. Do khó khăn nên vợ chồng chị chưa thanh toán được. Chị B khởi kiện chị đề nghị đại diện công ty cùng anh Tuấn xem xét toàn bộ hóa đơn chứng từ để đối chiếu, làm rõ và giải quyết theo luật.

Chị Ng khai chị và anh T có ra Tòa giải quyết ly hôn năm 2015 nhưng thực tế chị và anh T vẫn chung sống cùng nhau, làm ăn cùng nhau, tất cả tài sản của anh chị, bao gồm cả ngôi nhà mới xây dựng có mua nguyên vật liệu của công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT vẫn là của chung. Hiện anh T đi làm ăn xa, chị đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không về được.

Anh Hoàng Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ qua chị Ng, em gái anh T, niêm yết tại địa phương, song anh T không đến làm việc tại Tòa án.

Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1972, cư trú tại Tổ 1, đường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên đã xuất trình giấy ủy quyền của anh Hoàng Văn T cho chị Th đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền có chứng thực của UBND xã PM. Tại bản tự khai chị Th thừa nhận việc mua bán là có thật, nhưng có những vấn đề chưa được làm rõ chị muốn đối chất, tuy nhiên sau đó chị Th được Tòa án báo gọi không đến làm việc. Tại bản tự khai ngày 27/4/2018, chị Th xác nhận đã kiểm tra xem xét tất cả các hóa đơn xuất kho, mua hàng của Công ty TNHH một thành viên BT và đối chiếu công nợ, anh Hoàng Văn T đã xác nhận còn nợ công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT số tiền 100.069.000 đồng đúng như bà B đã giải trình và tài liệu, sổ sách đã giao nộp. Đề nghị cho ông T, bà Ng trả dần số nợ trên.

Tại phiên tòa, chị Th xin vắng mặt. Chị Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều

đảm bảo thực hiện nghiêm túc, không có vi phạm. Riêng bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Trần Thị Ng chưa thực sự chấp hành đúng báo gọi của Tòa án, thực hiện đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Hoàng Văn T, chị Trần Thị Ng có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ BT số tiền 100.069.000 đồng. Về án phí, anh T, chị Ng phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ BT, do bà Hoàng Thị B đại diện theo pháp luật giao nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên, việc mua bán tài sản tại thời điểm tháng 12/2015 đến tháng 3 năm 2016, thời hiệu khởi kiện được xem xét theo quy định tại điều 688, 429 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vẫn đảm bảo theo quy định.

[3]. Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn chị Trần Thị Ng, anh Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ. Chị Ng, anh T vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/4/2018 và tại phiên tòa ngày 25/5/2018, chị Vũ Thị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[4].Về nội dung tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn là các hóa đơn xuất kho nguyên đơn đã xuất trình, lời khai trình bày của nguyên đơn, bị đơn cho thấy từ tháng 8/2015 cho đến tháng 3 năm 2016 giữa Công ty TNHH BT và anh Hoàng Văn T, chị Trần Thị Ng có thực hiện việc mua bán hàng hóa, loại hàng vật liệu xây dựng, anh T, chị Ng là người xây dựng nhà, mua nguyên vật liệu và công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT là người cung cấp hàng hóa. Việc mua bán giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không thiết lập hợp đồng bằng văn bản. Tuy nhiên khi giao hàng, đã ghi rõ mặt hàng giao, số tiền hàng, tiền công nợ và người mua hàng đã ký nhận. Trong đó cả nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận có lấy hàng nhiều lần và đã thanh toán nhiều lần. Nguyên đơn đến nay xác định số tiền hàng anh T, chị Ng còn nợ là 100.069.000 đồng, chị Trần Thị Ng và chị Vũ Thị Th là người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn T đã xác nhận số tiền hàng còn nợ là 100.069.000 đồng là đúng. Như vậy, từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, có cơ sở để xác định anh T, chị Ng vẫn còn nợ công ty TNHH một thành viên thương mại, dịch vụ BT số tiền 100.069.000 đồng, do đó công ty BT khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của công ty TNHH một thành viên thương mại dịch BT. Mặc dù chị Ng, anh T khai đã giải quyết ly hôn nhưng trên thực tế chưa phân chia tài sản, số tiền hàng nợ trên được xác định là tiền mua nguyên vật liệu làm ngôi nhà là tài sản chung của anh T, chị Ng hiện vẫn do chị Ng, anh T quản lý sử dụng, do đó cần buộc chị Ng, anh T phải có nghĩa vụ chung,

cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT, phân chia trách nhiệm cụ thể mỗi người phải chịu trách nhiệm thanh toán trả nợ bằng ½ tổng số tiền nợ.

[5]. Về lãi suất: Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT, do bà Hoàng Thị Bđại diện tại phiên tòa không yêu cầu trả lãi nên HĐXX không đăt ra xem xét.

[6].Về án phí: chị Ng, anh T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, HĐXX

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 428, 429, 431,432, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 668; điều; điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Các điều 26, 35; 39; 147; 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT

Buộc chị Trần Thị Ng và anh Hoàng Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT số tiền hàng là 100.069.000 đồng (một trăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn). Cụ thể anh Hoàng Văn T phải thanh toán trả 50.034.500 đồng (năm mươi triệu không trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng), chị Trần Thị Ng phải thanh toán trả 50.034.500 đồng (năm mươi triệu không trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng).

* Án phí: Anh T, chị Ng phải chịu 5.003.000 đồng tiền án phí. Cụ thể anh T chịu 2.501.500 đồng (hai triệu năm trăm linh một nghìn năm trăm đồng) án phí, chị Ng chịu 2.501.500 đồng (hai triệu năm trăm linh một nghìn năm trăm đồng) án phí.

Hoàn trả Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ BT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.550.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0004059 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
VKSND huyện Lạng Giang;
TAND Tỉnh Bắc Giang;
THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
VKSND huyện Lạng Giang;
TAND Tỉnh Bắc Giang;
THADS huyện Lạng Giang;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hằng